TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 06 - 5 - 2022
"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Nguyệt và ông Đoàn Văn Đoan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, về "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Mai D, sinh năm 1950 và ông Phạm Công H, sinh năm 1950; Cùng địa chỉ: Số nhà A, ngách B, ngõ C, tổ dân phố C, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà X, đường L, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Bà Chị Thị T, sinh năm 1964, và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G là bà Chị Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, là bà Lê Thị H trình bày:

Vợ chồng bà D, ông H và vợ chồng bà T, ông G có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng năm 2012, bà D và ông H có cho bà T và ông G vay nhiều lần tiền, mỗi lần vay là một số tiền khác nhau, cụ thể các ngày vay như sau:

Ngày 14/4/2012 số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), ngày 10/6/2012 số tiền là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), ngày 17/4/2012 số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), ngày 05/8/2012 số tiền là

25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng), ngày 26/4/2012 số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), ngày 07/4/2012 số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng), ngày 18/11/2012 số tiền là 24.000.000đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền bà T, ông G vay của bà D, ông H thể hiện trong sổ và giấy biên nhận vay tiền là 164.000.000đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng). Các lần vay trên hai bên đều thỏa thuận lãi suất là 2,5%/ tháng, ông G và bà T đã trả được tiền lãi của các lần vay đến đầu năm 2013 sau đó có ý kiến đề nghị ông H, bà D điều chỉnh lãi suất vì mức lãi như vậy là hơi cao được ông H, bà D đồng ý và hai bên thỏa thuận tính lãi khoảng 1% tháng, số tiền đã trả trừ đi số tiền lãi phải trả của các tháng tiếp theo đến tháng 6 năm 2014 và kể từ tháng 7 năm 2014, lãi suất được tính là 1%/tháng nhưng kể từ đó đến nay bà T ông G không trả lãi và cũng không trả tiền G. Nay ông D, bà H khởi kiện yêu cầu ông G, bà T phải trả cho ông bà số tiền nợ G là 164.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Chị Thị T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vào khoảng năm 2012, vợ chồng bà có vay của ông bà H D nhiều lần tiền. Tổng số các lần vay là 164.000.000đồng, lãi suất vay theo thỏa thuận là 2,5%/ tháng và vợ chồng bà đã trả lãi cho ông bà H D đến đầu năm 2013, sau đó bà có ý kiến với ông H, bà D điều chỉnh lãi suất và được ông H, bà D chấp nhận nên số tiền lãi ông, bà đã trả được tính và trừ vào số tiền lãi phải trả của các tháng tiếp đến tháng 6 năm 2014 và thỏa thuận kể từ tháng 7 năm 2014 lãi suất tính là 1%/tháng nhưng kể từ đó do làm ăn bị thua lỗ nên ông bà không có tiền để trả cho ông H bà D được. Nay ông H bà D khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ số tiền là 164.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi của số tiền còn nợ, ông bà hoàn toàn nhất trí nhưng do hiện nay vợ chồng bà kinh tế khó khăn bà xin trả nợ D. Đối với số tiền lãi đã trả bà không có đề nghị gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; quá trình giải quyết vụ án các đương sự được đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 164.000.000đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, Bị đơn bà T phải chịu án phí, ông G được miễn án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay từ năm 2012 và không yêu cầu tính lãi sất của số tiền nợ, do đó đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản. Bị đơn bà bà Chị Thị T và ông Nguyễn Văn G, hiện đang cư trú tại Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 27, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn, có đủ cơ sở khẳng định vào năm 2012, nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần tiền, tổng số tiền vay là 164.000.000đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng), đến nay bị đơn chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ ngay; đối với bị đơn đồng ý trả nợ nhưng trình bày hiện nay hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn không có khả năng trả ngay toàn bộ số tiền được và xin trả nợ D. Do đó cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 164.000.000đồng mà bị đơn vay của nguyên đơn vào các ngày 14/4/2012 âm lịch, ngày 10/6/2012 âm lịch, ngày 17/4/2012 âm lịch, ngày 05/8/2012, ngày 26/4/2012 âm lịch, ngày 07/4/2012 âm lịch, ngày 18/11/2012 âm lịch theo sổ và giấy biên nhận vay tiền.

Đối với khoản tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 2,5%/ tháng và bị đơn đã trả được lãi cho nguyên đơn đến đầu năm 2013, sau đó hai bên thống nhất đều chỉnh tính lãi suất lại theo mức lãi suất khoảng 1%/ tháng. Số tiền bị đơn đã trả không tính toán lại mà thống nhất trừ vào tiền lãi của các tháng tiếp theo đến hết tháng 6 năm 2014 và bị đơn tiếp tục trả lãi từ tháng 7 năm 2014 với mức lãi suất là 1%/tháng, tuy nhiên kể từ đó do làm ăn bị thua lỗ nên bị đơn cũng không có khả năng trả lãi cho nguyên đơn nữa, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không đề nghị Tòa án xem xét đối với số tiền đã trả lãi này và nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 8.200.000đồng (164.000.000 đồng x 5%) (ông G ½ , bà T ½), tuy nhiên đối với ông G là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí cho ông G theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà T phải chịu án phí theo qui định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 166, 466, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị Mai D và ông Phạm Công H. Buộc Bà Chị Thị T và ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả cho bà D, ông H số tiền 164.000.000đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Bà Đoàn Thị Mai D và ông Phạm Công H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Bà Chị Thị T và ông Nguyễn Văn G không tự nguyện thi hành án số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do châm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Chị Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.100.000đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng); miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn G. Bà Đoàn Thị Mai D và ông Phạm Công H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan